

**TÓA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Điền, ngày 22 tháng 3 năm 2019

Số: 18/2019/QĐST-HNGĐ

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm V; sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Thôn Thanh A, xã Điện H, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Chị Trần Thị Ánh V1; sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Thôn An X, xã Quảng A, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm V và chị Trần Thị Ánh V1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Phạm Quang V2, sinh ngày: 10/6/2015 cho chị V1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành tròn 18 tuổi. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai

triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi cháu V2 tròn 18 tuổi.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm V tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2013/005058, ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền; anh V đã nộp đủ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Q.Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Điền;
- UBND xã Điền Hồng, Điện Bàn, Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trương Cao Sơn